BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05 /2015/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc (sau đây được viết là Nghị định số 09/2015/NĐ-CP);

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm xã hội;

Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ.

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người nghỉ hưu hưởng trợ cấp hàng tháng từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo quy định tại Quyết định số 41/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ); quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu trước ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009, Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ đang hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng trước ngày 01 tháng 01 năm 2015.

3. Người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; người đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2000, Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hàng tháng trước ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Điều 2. Điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng

Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng của các đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này được điều chỉnh như sau:

Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng từ tháng 01/2015	=	Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp tháng 12/2014	x	1,08

Ví dụ 1: Ông A, có mức lương hưu tháng 12/2014 là 4.011.800 đồng/tháng.

Mức lương hưu của ông A từ tháng 01/2015 được điều chỉnh như sau:

4.011.800 đồng/tháng x 1,08 = 4.332.744 đồng/tháng

Ví dụ 2: Ông B là cán bộ xã nghỉ việc, hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP, có mức trợ cấp tháng 12/2014 là 1.493.000 đồng/tháng.

Mức trợ cấp hàng tháng của ông B từ tháng 01/2015 được điều chỉnh như sau:

1.493.000 đồng/tháng x 1,08 = 1.612.440 đồng/tháng

Ví dụ 3: Ông C, nghỉ việc hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, có mức trợ cấp tháng 12/2014 là 1.621.200 đồng/tháng.

Mức trợ cấp mất sức lao động của ông C từ tháng 01/2015 được điều chỉnh như sau:

1.621.200 đồng/tháng x 1,08 = 1.750.896 đồng/tháng

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Sở Lao động- Thương binh và Xã hội và các cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm triển khai thực hiện việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng quy định

tại Nghị định số 09/2015/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này; lập báo cáo theo mẫu kèm Thông tư này gửi Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 06 năm 2015.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2015; các chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- VP TƯ Đảng và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Website của Chính phủ;
- Website của Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, PC, BHXH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Phạm Minh Huân

Phụ lục

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TỔNG QUỸ TĂNG THÊM

(Kèm theo Thông tư số 05 /2015/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 02 năm 2015 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội)

Đối tượng	**Số người hưởng chế độ thời điểm tháng 01/2015** *(người)*	**Mức hưởng bình quân tháng 12/2014** *(đồng)*	**Mức hưởng bình quân tháng 01/2015 (đã điều chỉnh)** *(đồng)*	**Tổng kinh phí chi trả chế độ tháng 01/2015** *(triệu đồng)*	**Tổng kinh phí tăng thêm do điều chỉnh theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP** *(triệu đồng)*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1. Hưu trí BHXH bắt buộc: *+ Trong đó: do NSNN bảo đảm* **2. Mất sức lao động:** **3. Trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg, Quyết định số 613/QĐ-TTg** **4. Công nhân cao su:** **5. Cán bộ xã, phường, thị trấn:** **6. Hưu trí BHXH tự nguyện** *(kể cả trợ cấp hàng tháng từ quỹ BHXH nông dân Nghệ An chuyển sang)*					
Tổng cộng					

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)